



**Tổng Công ty Cổ phần
Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp Số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty (“GCNĐKDN”) đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 22 tháng 12 năm 2023. GCNĐKDN và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lee Chio Lim Larry	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lim Pei Chi Patsy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn
	- Nguyễn Chí Thanh

Ủy ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường Chợ Lớn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 63 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 63.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-01-00466-25-1



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		22.273.783.530.830	22.678.040.434.933
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	4.045.000.781.210	2.868.932.106.996
Tiền	111		154.024.781.210	151.932.106.996
Các khoản tương đương tiền	112		3.890.976.000.000	2.717.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.550.317.000.000	15.616.317.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	9(a)	14.550.317.000.000	15.616.317.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.269.434.188.872	3.474.506.046.993
Phải thu của khách hàng	131	10	2.002.714.069.946	1.498.883.031.698
Trả trước cho người bán	132		12.266.425.143	25.991.313.183
Phải thu về cho vay	135	11	461.719.706.807	461.719.706.807
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	1.080.621.650.001	1.775.799.658.330
Dự phòng phải thu khó đòi	137	13	(287.887.663.025)	(287.887.663.025)
Hàng tồn kho	140	14(a)	331.190.411.467	559.546.921.726
Hàng tồn kho	141		341.928.148.192	571.938.526.999
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.737.736.725)	(12.391.605.273)
Tài sản ngắn hạn khác	150		77.841.149.281	158.738.359.218
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	77.808.602.021	118.092.418.969
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	36.234.033.199
Thuế phải thu Nhà nước	153	22(b)	32.547.260	4.411.907.050

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		6.241.029.823.483	6.791.830.900.664
Các khoản phải thu dài hạn	210		340.993.945.559	340.994.065.559
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	340.993.945.559	340.994.065.559
Tài sản cố định	220		1.094.687.122.638	1.117.842.320.278
Tài sản cố định hữu hình	221	16	235.964.271.120	251.424.151.847
Nguyên giá	222		3.704.454.303.144	3.668.681.046.422
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.468.490.032.024)	(3.417.256.894.575)
Tài sản cố định vô hình	227	17	858.722.851.518	866.418.168.431
Nguyên giá	228		1.026.698.151.793	1.023.478.430.865
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167.975.300.275)	(157.060.262.434)
Bất động sản đầu tư	230	18	34.009.990.071	39.669.646.890
Nguyên giá	231		104.436.270.964	112.364.600.461
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(70.426.280.893)	(72.694.953.571)
Tài sản dở dang dài hạn	240		85.375.624.219	79.844.252.398
Xây dựng cơ bản dở dang	242	19	85.375.624.219	79.844.252.398
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.507.578.915.221	4.997.348.273.210
Đầu tư vào các công ty con	251	9(c)	4.137.285.817.355	3.153.019.479.350
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252	9(c)	608.980.350.635	608.980.350.635
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	9(c)	419.858.124.916	546.287.362.407
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(c)	(858.545.377.685)	(645.938.919.182)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	255	9(b)	200.000.000.000	1.335.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		178.384.225.775	216.132.342.329
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	69.426.256.501	65.232.899.968
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	90.799.489.540	132.527.331.018
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	14(b)	18.158.479.734	18.372.111.343
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		28.514.813.354.313	29.469.871.335.597

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.687.090.306.015	8.811.053.721.648
Nợ ngắn hạn	310		9.599.473.716.031	8.723.003.536.581
Phải trả người bán	311	21	3.157.303.758.429	4.657.041.155.217
Người mua trả tiền trước	312		15.941.855.660	13.961.166.545
Thuế phải nộp Nhà nước	313	22(a)	683.639.739.679	377.364.075.268
Phải trả người lao động	314		14.659.475.242	22.172.169.367
Chi phí phải trả	315	23	1.065.410.862.955	258.089.199.523
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		9.999.998	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	4.623.717.064.819	3.340.319.673.627
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	38.790.959.249	54.056.097.034
Nợ dài hạn	330		87.616.589.984	88.050.185.067
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	53.247.542.136	53.247.542.136
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	34.369.047.848	34.802.642.931
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		18.827.723.048.298	20.658.817.613.949
Vốn chủ sở hữu	410	27	18.827.723.048.298	20.658.817.613.949
Vốn cổ phần	411	28	12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	760.819.802.040	760.819.802.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.241.279.526.258	7.072.374.091.909
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		3.219.933.561.301	2.878.719.029.360
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ/năm</i>	421b		2.021.345.964.957	4.193.655.062.549
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		28.514.813.354.313	29.469.871.335.597

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:


 Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán

Trần Nguyên Trung
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Koo Liang Kwee
 Phó Tổng Giám đốc


 Tan Teck Chuan Lester
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	18.121.522.077.027	19.268.598.866.100
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	145.687.649	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	32	18.121.376.389.378	19.268.598.866.100
Giá vốn hàng bán	11	33	15.384.175.308.372	16.462.313.587.394
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.737.201.081.006	2.806.285.278.706
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	1.600.728.853.690	1.747.601.953.719
Chi phí tài chính	22	35	215.405.675.570	11.790.002.303
Chi phí bán hàng	25	36	1.562.350.893.251	1.524.308.809.475
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	258.442.087.031	212.573.036.197
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.301.731.278.844	2.805.215.384.450
Thu nhập khác	31		1.366.288.389	3.958.967.371
Chi phí khác	32		1.762.926.890	4.748.347.467
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(396.638.501)	(789.380.096)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.301.334.640.343	2.804.426.004.354
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	205.852.210.888	270.396.629.147
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	41.727.841.478	50.097.422.248
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.053.754.587.977	2.483.931.952.959

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

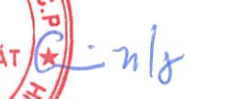
Người duyệt:


 Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán


 Trần Nguyên Trung
 Kế toán trưởng


 Koo Liang Kwee
 Phó Tổng Giám đốc




 Phan Teck Chuan Lester
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		2.301.334.640.343	2.804.426.004.354
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		59.879.502.612	56.459.317.005
Các khoản dự phòng	03		215.781.380.414	11.917.461.049
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		45.366.107	649.666.852
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(1.598.210.623.883)	(1.742.941.261.836)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		978.830.265.593	1.130.511.187.424
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(446.527.960.024)	128.263.240.833
Biến động hàng tồn kho	10		226.518.476.102	58.800.360.713
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(456.131.451.324)	14.054.514.511
Biến động chi phí trả trước	12		45.538.589.863	8.962.492.501
			348.227.920.210	1.340.591.795.982
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(152.659.931.858)	(317.715.879.063)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(43.962.284.103)	(42.056.872.621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		151.605.704.249	980.819.044.298

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(43.050.636.737)	(42.085.672.804)
Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(3.009.000.000.000)	(6.440.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		5.210.000.000.000	7.165.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25		(14.880.324.020)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và phân phối lợi nhuận	27		1.446.477.978.523	1.445.852.496.116
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.589.547.017.766	2.128.766.823.312
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả cổ tức	36		(2.565.047.505.850)	(1.923.663.966.575)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(2.565.047.505.850)	(1.923.663.966.575)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.176.105.216.165	1.185.921.901.035
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		2.868.932.106.996	3.197.402.607.546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(36.541.951)	(400.306.385)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	4.045.000.781.210	4.382.924.202.196

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc



Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi, hai nhà máy này hoạt động và hạch toán độc lập, chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 26 công ty con sở hữu trực tiếp và 12 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp (1/1/2025: 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 12 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp), như được trình bày ở Thuyết minh 9(c).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư gián tiếp vào 4 công ty con và 4 công ty liên kết (1/1/2025: 1 công ty con và 5 công ty liên kết), chi tiết như sau:

				30/6/2025		1/1/2025	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính				
Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Lô S, Khu Công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	86,32%	100%	84,46%	100%
Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (*)							
2	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Số 8, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh nước giải khát và dịch vụ nhà hàng	59,63%	100%	-	-
3	Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Khu Công nghiệp Thành Hải, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	59,63%	100%	-	-
4	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	104 - 106 Trần Phú, Phường Hà Nam, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	59,63%	100%	-	-
Các công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	50A, Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	3E/5, Phố Quang, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	17,26%	20,00%	16,89%	20,00%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	30/6/2025		1/1/2025	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
4	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	30,96%	34,92%	30,79%	34,92%
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (*)	Số 8, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	-	-	21,80%	22,18%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 737 nhân viên (1/1/2025: 702 nhân viên).

- (*) Vào ngày 3 tháng 1 năm 2025, Tổng Công ty đã mua thêm 37.814.900 cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (“Sabibeco”), qua đó nắm quyền kiểm soát Sabibeco. Tổng giá trị khoản thanh toán cho giao dịch này là 842.957 triệu VND (Thuyết minh 9(c)(i)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 8 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 6 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	43 năm
▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tổng Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tổng Công ty được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tổng Công ty. Thuyết minh 32 và Thuyết minh 33 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	154.024.781.210	151.932.106.996
Các khoản tương đương tiền	3.890.976.000.000	2.717.000.000.000
	4.045.000.781.210	2.868.932.106.996

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 4,75% một năm (1/1/2025: từ 4,60% đến 4,75% một năm).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,75% đến 6,00% một năm (1/1/2025: từ 4,30% đến 5,80% một năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 5,40% một năm (1/1/2025: từ 5,30% đến 5,90% một năm).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư góp vốn

	30/6/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty con (i)	4.137.285.817.355	(447.542.898.863)	3.689.742.918.492	3.153.019.479.350	(237.593.783.288)	2.915.425.696.062
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (ii)	608.980.350.635	(111.339.676.300)	497.640.674.335	608.980.350.635	(107.229.083.050)	501.751.267.585
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (iii)	419.858.124.916	(299.662.802.522)	120.195.322.394	546.287.362.407	(301.116.052.844)	245.171.309.563
	5.166.124.292.906	(858.545.377.685)	4.307.578.915.221	4.308.287.192.392	(645.938.919.182)	3.662.348.273.210

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	30/6/2025				1/1/2025			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	86,32%	391.071.741.550	767.132.443.350	-	84,46%	376.191.417.530	658.925.622.750	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	62,06%	236.167.400.000	66.347.515.000	(169.819.885.000)	62,06%	236.167.400.000	77.123.067.000	(159.044.333.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66,56%	299.548.230.160	569.948.500.000	-	66,56%	299.548.230.160	627.682.116.667	-
▪ Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91,75%	208.414.271.535	(*)	(1.192.940.320)	91,75%	208.414.271.535	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51,24%	17.650.697.182	20.093.854.650	-	51,24%	17.650.697.182	24.491.354.700	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54,73%	76.324.868.844	44.062.249.000	(32.262.619.844)	54,73%	76.324.868.844	38.240.538.000	(38.084.330.844)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68,78%	314.250.000.000	306.188.350.000	(8.061.650.000)	68,78%	314.250.000.000	302.505.300.000	(11.744.700.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52,11%	93.800.000.000	180.255.460.000	-	52,11%	93.800.000.000	190.873.620.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	100%	700.000.000.000	(*)	-	100%	700.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	90,00%	37.422.345.046	(*)	-	90,00%	37.422.345.046	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95,07%	37.369.732.632	(*)	-	95,07%	37.369.732.632	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94,47%	83.141.000.000	(*)	-	94,47%	83.141.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91,24%	54.546.288.176	(*)	(32.552.513.557)	91,24%	54.546.288.176	(*)	(28.720.419.444)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	30/6/2025				1/1/2025			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90,00%	36.541.448.653	(*)	-	90,00%	36.541.448.653	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90,14%	55.799.775.209	(*)	-	90,14%	55.799.775.209	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90,68%	36.362.195.948	(*)	-	90,68%	36.362.195.948	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90,00%	36.265.364.767	(*)	-	90,00%	36.265.364.767	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90,00%	36.798.955.472	(*)	-	90,00%	36.798.955.472	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	100%	59.365.663.690	(*)	-	100%	59.365.663.690	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	90,45%	36.000.000.000	(*)	-	90,45%	36.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100%	120.000.000.000	(*)	-	100%	120.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	76,81%	55.174.824.506	(*)	-	76,81%	55.174.824.506	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn	100%	60.000.000	(*)	(10.061.757)	100%	60.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	100%	40.000.000.000	(*)	-	100%	40.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	52,91%	105.825.000.000	(*)	-	52,91%	105.825.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	59,63%	969.386.013.985	765.742.785.600	(203.643.228.385)	-	-	-	-
		<u>4.137.285.817.355</u>		<u>(447.542.898.863)</u>		<u>3.153.019.479.350</u>		<u>(237.593.783.288)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư vào công ty con trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.153.019.479.350	3.039.072.394.329
Tăng trong kỳ	14.880.324.020	-
Tăng liên quan đến việc mua lại Sabibeco (Thuyết minh 1(d))	842.956.776.494	-
Phân loại lại từ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác liên quan đến việc mua lại Sabibeco (Thuyết minh 9(c)(iii))	126.429.237.491	-
Số dư cuối kỳ	4.137.285.817.355	3.039.072.394.329

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	30/6/2025				1/1/2025			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào các công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27,03%	33.787.500.000	32.797.526.250	(989.973.750)	27,03%	33.787.500.000	33.513.821.250	(273.678.750)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32,22%	103.174.711.495	392.388.410.400	-	32,22%	103.174.711.495	413.546.609.000	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20,00%	30.000.000.000	(*)	-	20,00%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20,00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)	20,00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	26,00%	26.000.000.000	(*)	-	26,00%	26.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20,00%	20.000.000.000	(*)	-	20,00%	20.000.000.000	(*)	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Tên công ty	30/6/2025				1/1/2025			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát								
▪ Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	25,00%	43.111.007.200	(*)	-	25,00%	43.111.007.200	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30,00%	113.224.326.586	(*)	-	30,00%	113.224.326.586	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30,00%	86.338.395.824	(*)	-	30,00%	86.338.395.824	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	35,00%	26.212.239.000	(*)	-	35,00%	26.212.239.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	45,00%	31.632.170.530	(*)	(14.849.702.550)	45,00%	31.632.170.530	(*)	(11.455.404.300)
		<u>608.980.350.635</u>		<u>(111.339.676.300)</u>		<u>608.980.350.635</u>		<u>(107.229.083.050)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	30/6/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	46.000.000.000	(*)	-	46.000.000.000	(*)	(3.152.549.322)
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	27.917.055.000	(23.558.085.000)	51.475.140.000	29.616.354.000	(21.858.786.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	7.898.310.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	7.538.160.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	-	-	-	126.429.237.491	255.553.866.300	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	19.690.000.000	(*)	-	19.690.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
	419.858.124.916		(299.662.802.522)	546.287.362.407		(301.116.052.844)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	546.287.362.407	569.372.362.407
Phân loại lại sang khoản đầu tư vào các công ty con liên quan đến việc mua lại Sabibeco (Thuyết minh 9(c)(i))	(126.429.237.491)	-
Số dư cuối kỳ	419.858.124.916	569.372.362.407

(iv) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	645.938.919.182	657.575.509.856
Dự phòng trích lập trong kỳ	225.263.768.825	28.416.176.876
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(12.657.310.322)	(24.193.810.083)
Số dư cuối kỳ	858.545.377.685	661.797.876.649

10. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.598.980.801.403	1.180.823.494.543
Các khách hàng khác	403.733.268.543	318.059.537.155
	2.002.714.069.946	1.498.883.031.698

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.598.980.801.403	1.180.823.494.543
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	66.284.328.632	3.023.434.357
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	62.691.674.505	21.578.153.374
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	55.746.385.536	12.165.928.605
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	15.002.964.453	34.567.698.610
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	7.684.133.788	9.647.942.470
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	6.913.564.055	14.037.688.251
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	5.881.534.273	10.961.135.509
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	5.569.396.440	7.134.381.466
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	4.025.194.680	8.683.363.918
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	2.823.010.302	4.218.354.744
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	2.073.874.413	217.456.800
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	1.736.861.835	5.424.300.951
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	599.323.436	332.464.664
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	279.959.435	219.612.800
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	260.721.230	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	234.187.307	456.281.707
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	224.787.200	224.787.200
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	213.252.052	860.952.956
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	191.547.205	219.929.600
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	-	1.087.767.291
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	-	166.217.700
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	-	131.218.266
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	71.739.321.202	74.840.176.095
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	51.417.890.971	64.259.344.007
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.988.919.539	19.988.919.539
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	13.860.135.696	1.712.468.742
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	2.362.808.733	1.098.199.869
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	2.120.813.657	10.101.178.680
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	955.076.516	7.914.072.127

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu về cho vay

	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty con</i>			
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	2025	461.719.706.807	461.719.706.807

Khoản cho một công ty con vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất từ 5,5% đến 5,6% một năm (1/1/2025: từ 5,5% đến 5,6% một năm). Tiền lãi của các khoản cho vay này được nhận vào ngày đáo hạn hoặc ngày trả nợ trước hạn (nếu có) của các hợp đồng cho vay tương ứng, tùy theo thời điểm nào đến trước.

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay	559.510.981.011	351.358.710.802
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết (Thuyết minh 13)	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu về cổ tức và phân phối lợi nhuận	239.700.750.371	295.783.084.317
Tạm ứng cho việc mua cổ phiếu của Sabibeco (*)	-	832.426.956.680
Phải thu khác	4.179.185.076	19.000.172.988
	1.080.621.650.001	1.775.799.658.330

(*) Khoản phải thu này phản ánh khoản tiền tạm ứng thanh toán được gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, theo quy định của Luật Chứng khoán, cho việc mua cổ phiếu của Sabibeco.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	93.941.863.195	112.286.346.499
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	60.566.763.100	-
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	37.975.618.377	46.076.790.219
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	21.665.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	16.469.982.539	3.799.212.014
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	6.991.079.012	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	4.022.900.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	3.979.451.687	1.068.279.206
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	768.525.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	12.721.350	1.287.204.098
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	3.422.834.000
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.789.550.000	8.789.550.000
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	-	64.200.000.000
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	-	44.242.171.746
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	14.426.044.500

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh, một công ty con	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	12.920.443.341	12.920.563.341
	340.993.945.559	340.994.065.559

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	Giá gốc VND	30/6/2025 Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu của khách hàng	19.988.919.539	(10.656.929.482)	9.331.990.057
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 12(a))	277.230.733.543	(277.230.733.543)	-
	297.219.653.082	(287.887.663.025)	9.331.990.057

	Giá gốc VND	1/1/2025 Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu của khách hàng	19.988.919.539	(10.656.929.482)	9.331.990.057
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 12(a))	277.230.733.543	(277.230.733.543)	-
	297.219.653.082	(287.887.663.025)	9.331.990.057

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	85.670.157.913	-	75.584.452.041	-
Nguyên vật liệu	149.685.204.472	(596.202.040)	377.389.197.309	(541.425.458)
Công cụ và dụng cụ	17.960.532.782	(10.141.534.685)	22.461.383.901	(11.850.179.815)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	62.215.581.254	-	72.782.418.658	-
Thành phẩm	20.548.891.967	-	20.196.689.854	-
Hàng hóa	5.847.779.804	-	3.524.385.236	-
	341.928.148.192	(10.737.736.725)	571.938.526.999	(12.391.605.273)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 10.738 triệu VND (1/1/2025: 12.392 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	12.391.605.273	22.151.368.113
Dự phòng trích lập trong kỳ	363.000.899	164.288.091
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(135.409.447)	(316.696.389)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.881.460.000)	(1.125.000.000)
Số dư cuối kỳ	10.737.736.725	20.873.959.815

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	54.670.749.464	(36.512.269.730)	53.060.306.759	(34.688.195.416)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	34.688.195.416	33.722.170.511
Dự phòng trích lập trong kỳ	3.563.078.542	1.486.083.290
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.739.004.228)	(1.095.280.391)
Số dư cuối kỳ	36.512.269.730	34.112.973.410

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	68.816.612.943	110.396.432.990
Chi phí khác	8.991.989.078	7.695.985.979
	77.808.602.021	118.092.418.969

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Quyền sử dụng đất chờ bàn giao (*) VND	Công cụ và dụng cụ và các chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	51.602.316.000	13.630.583.968	65.232.899.968
Tăng trong kỳ	-	224.763.034	224.763.034
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	9.448.129.448	9.448.129.448
Phân bổ trong kỳ	-	(5.479.535.949)	(5.479.535.949)
Số dư cuối kỳ	51.602.316.000	17.823.940.501	69.426.256.501

(*) Giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao phản ánh tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 24(b)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	527.774.586.582	2.952.447.751.355	54.949.941.105	133.508.767.380	3.668.681.046.422
Tăng trong kỳ	-	3.580.600.000	89.000.000	648.296.000	4.317.896.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	21.884.042.934	-	1.712.027.811	23.596.070.745
Chuyển từ bất động sản đầu tư	7.859.289.977	-	-	-	7.859.289.977
Số dư cuối kỳ	535.633.876.559	2.977.912.394.289	55.038.941.105	135.869.091.191	3.704.454.303.144
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	460.501.333.108	2.782.006.058.633	54.017.649.861	120.731.852.973	3.417.256.894.575
Khấu hao trong kỳ	4.274.146.184	37.005.763.065	104.733.543	3.439.084.282	44.823.727.074
Chuyển từ bất động sản đầu tư	6.409.410.375	-	-	-	6.409.410.375
Số dư cuối kỳ	471.184.889.667	2.819.011.821.698	54.122.383.404	124.170.937.255	3.468.490.032.024
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	67.273.253.474	170.441.692.722	932.291.244	12.776.914.407	251.424.151.847
Số dư cuối kỳ	64.448.986.892	158.900.572.591	916.557.701	11.698.153.936	235.964.271.120

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 2.600.473 triệu VND (1/1/2025: 2.591.071 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 104.466 triệu VND (1/1/2025: 102.584 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mà Tổng Công ty cho các công ty con, công ty liên kết thuê để hưởng thu nhập cho thuê tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 25.868 triệu VND (1/1/2025: 25.868 triệu VND).

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	906.610.413.944	116.868.016.921	1.023.478.430.865
Tăng trong kỳ	-	192.000.000	192.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.958.681.408	2.958.681.408
Chuyển từ bất động sản đầu tư	69.039.520	-	69.039.520
Số dư cuối kỳ	906.679.453.464	120.018.698.329	1.026.698.151.793
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	73.824.427.731	83.235.834.703	157.060.262.434
Khấu hao trong kỳ	1.982.354.298	8.901.251.398	10.883.605.696
Chuyển từ bất động sản đầu tư	31.432.145	-	31.432.145
Số dư cuối kỳ	75.838.214.174	92.137.086.101	167.975.300.275
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	832.785.986.213	33.632.182.218	866.418.168.431
Số dư cuối kỳ	830.841.239.290	27.881.612.228	858.722.851.518

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 64.657 triệu VND (1/1/2025: 64.257 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tổng Công ty ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước vào tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 24(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bộ Công thương và Bộ Tài chính của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng các khu đất này theo kế hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính này, Tổng Công ty đã nộp hồ sơ cho các hợp đồng thuê đất hàng năm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, các khu đất này đang được sử dụng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty. Đây là quyền sử dụng đất hàng năm với những hạn chế về quyền sở hữu, và không được tự ý chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp hay xây dựng.

Chi tiết quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá trị tạm tính tăng thêm vào ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m ²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
2	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
3	46 Bến Vân Đồn, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tổng Công ty chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong kỳ, Tổng Công ty cũng đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chi phí thuê đất và thuê đất với số tiền là 29.765 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 22.143 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	22.749.382.633	89.615.217.828	112.364.600.461
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(7.859.289.977)	(7.859.289.977)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(69.039.520)	-	(69.039.520)
Số dư cuối kỳ	22.680.343.113	81.755.927.851	104.436.270.964
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10.268.418.098	62.426.535.473	72.694.953.571
Khấu hao trong kỳ	262.887.822	3.909.282.020	4.172.169.842
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(6.409.410.375)	(6.409.410.375)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(31.432.145)	-	(31.432.145)
Số dư cuối kỳ	10.499.873.775	59.926.407.118	70.426.280.893
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	12.480.964.535	27.188.682.355	39.669.646.890
Số dư cuối kỳ	12.180.469.338	21.829.520.733	34.009.990.071

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

19. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	79.844.252.398	96.307.399.286
Tăng trong kỳ	41.534.253.422	41.548.488.955
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(23.596.070.745)	(12.061.731.078)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.958.681.408)	(37.779.121.191)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.448.129.448)	(8.612.106.366)
Số dư cuối kỳ	85.375.624.219	79.402.929.606

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự án san lấp mặt bằng tại Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	43.296.363.636	43.296.363.636
Dự án mở rộng sân ngoài trời tại Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	13.974.000.000	592.500.000
Các công trình khác	28.105.260.583	35.955.388.762
	85.375.624.219	79.844.252.398

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	58.149.233.462	58.109.976.229
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	21.068.868.891	62.870.008.756
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	9.450.001.291	9.415.960.137
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.131.385.896	2.131.385.896
		90.799.489.540	132.527.331.018

21. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	371.356.256.571	384.233.608.820
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	75.646.025.262	446.313.320.167
Các nhà cung cấp khác	2.710.301.476.596	3.826.494.226.230
	3.157.303.758.429	4.657.041.155.217

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	371.356.256.571	384.233.608.820
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	172.972.587.481	81.950.530.605
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	165.465.089.844	261.304.645.144
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	98.467.735.096	140.690.077.211
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	88.828.330.276	211.153.503.586
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	87.250.561.759	147.269.411.035
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	86.620.705.445	111.753.096.045
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	73.157.864.799	211.947.177.947
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	68.983.662.818	112.866.961.434
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	60.748.116.224	26.015.219.445
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	60.725.643.223	127.360.618.112
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	46.709.594.872	41.496.087.134
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	42.687.908.340	71.100.997.760
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	36.237.782.353	16.246.357.444
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	34.741.192.896	29.425.782.060
Công ty Cổ Phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	31.457.529.654	118.339.194.478
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	31.019.307.653	49.295.616.625
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	26.861.117.279	68.395.874.096
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	23.069.235.013	118.456.608.837
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	21.429.833.220	29.759.879.640
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	20.334.613.200	28.854.540.998
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	16.964.112.000	5.996.954.300
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	16.586.905.792	11.272.782.616
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	7.480.637.098	14.158.378.311
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	6.060.757.259	5.468.940.333
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	3.512.673.448	4.435.466.576
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	51.203.782	615.988.069

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan (tiếp theo)

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	75.646.025.262	446.313.320.167
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	30.333.996.880	7.998.013.482
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	20.849.243.124	38.664.745.341
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	10.453.948.010	25.593.577.798
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	9.331.990.057	9.331.990.057
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	4.457.409.000	6.269.098.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	1.806.237.510	12.783.020.316
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	1.212.662.896	32.278.282.663
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	1.121.852.160	28.379.820.142
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	-	16.915.645.267
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	223.145.438.953	195.073.264.313
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	102.283.051.716	69.127.226.472
Bangkok Art Biennale Management Co., Ltd	-	767.640.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	Cần trừ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.231.485.225.372	(98.836.767.293)	(1.876.810.711.604)	255.837.746.475
Thuế tiêu thụ đặc biệt	225.875.652.071	1.203.125.021.868	(1.204.218.675.730)	-	224.781.998.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp	144.585.472.802	205.852.210.888	(152.659.931.858)	-	197.777.751.832
Thuế thu nhập cá nhân	4.143.460.316	35.660.145.497	(37.439.590.072)	-	2.364.015.741
Thuế xuất nhập khẩu	-	157.704.838	(157.704.838)	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	1.581.049.806	39.351.472.241	(34.972.112.459)	(4.379.359.790)	1.581.049.798
Thuế tài nguyên	1.184.960	532.774.720	(527.559.680)	-	6.400.000
Các loại thuế khác	1.177.255.313	18.923.289.722	(18.809.767.411)	-	1.290.777.624
	377.364.075.268	3.735.087.845.146	(1.547.622.109.341)	(1.881.190.071.394)	683.639.739.679

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Cần trừ VND	30/6/2025 VND
Tiền thuê đất	4.411.907.050	(4.379.359.790)	32.547.260

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.016.140.741.726	227.323.028.036
Chi phí phải trả khác	49.270.121.229	30.766.171.487
	1.065.410.862.955	258.089.199.523

24. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	3.855.787.728.000	2.573.148.117.850
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Phải trả ngắn hạn khác	32.549.464.119	31.791.683.077
	4.623.717.064.819	3.340.319.673.627

- (*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa, gồm các đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 17).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Các công ty mẹ cấp trung gian</i>		
Thai Beverage Public Company Limited	916.525.494	1.038.781.316
BeerCo Limited	10.315.213.600	9.030.113.282
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH Vietnam Beverage	2.061.855.522.000	1.374.570.348.000
<i>Các công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.522.160.540
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	739.328.874
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	437.717.745
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	350.916.554	350.916.554
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	339.046.442	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	287.780.949	287.780.949
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	106.561.973
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	82.229.450
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52.063.478	52.063.478
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	20.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	12.932.851	12.932.851
<i>Bên liên quan khác</i>		
Chang International Co., Ltd	1.470.512.295	1.583.961.112

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 15(b))	51.602.316.000	51.602.316.000
Nhận ký quỹ dài hạn	1.645.226.136	1.645.226.136
	53.247.542.136	53.247.542.136

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	54.056.097.034	53.355.097.034
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 27)	22.386.880.482	19.037.500.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27)	4.753.414.608	2.955.994.977
Sử dụng trong kỳ	(42.405.432.875)	(40.329.994.977)
Số dư cuối kỳ	38.790.959.249	35.018.597.034

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	34.802.642.931	33.919.477.112
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.123.256.145	7.456.699.655
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.556.851.228)	(1.726.877.644)
Số dư cuối kỳ	34.369.047.848	39.649.299.123

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	12.825.623.720.000	760.819.802.040	8.007.183.330.712	21.593.626.852.752
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	2.483.931.952.959	2.483.931.952.959
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 30)	-	-	(2.565.124.744.000)	(2.565.124.744.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	(19.037.500.000)	(19.037.500.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	(2.955.994.977)	(2.955.994.977)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(14.388.484.393)	(14.388.484.393)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	12.825.623.720.000	760.819.802.040	7.889.608.560.301	21.476.052.082.341
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.768.798.109.590	1.768.798.109.590
Cổ tức bằng tiền	-	-	(2.565.124.744.000)	(2.565.124.744.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(19.037.500.000)	(19.037.500.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	4.741.181.625	4.741.181.625
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(6.611.515.607)	(6.611.515.607)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	12.825.623.720.000	760.819.802.040	7.072.374.091.909	20.658.817.613.949
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	2.053.754.587.977	2.053.754.587.977
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 30)	-	-	(3.847.687.116.000)	(3.847.687.116.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	(22.386.880.482)	(22.386.880.482)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	(4.753.414.608)	(4.753.414.608)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(10.021.742.538)	(10.021.742.538)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	12.825.623.720.000	760.819.802.040	5.241.279.526.258	18.827.723.048.298

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

30. Cổ tức bằng tiền

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 3.847.687 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	26.026.008.835	49.242.908.700
Từ hai đến năm năm	12.290.410.005	13.642.039.375
Sau năm năm	41.728.943.468	42.869.009.697
	80.045.362.308	105.753.957.772

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	247.869	6.423.519.174	192.511	4.863.778.540
AUD	3.139	52.816.529	828	12.967.082
EUR	1.660	50.080.080	1.698	44.258.093
		6.526.415.783		4.921.003.715

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	55.280.905.513	21.303.604.817

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	12.551.745.746.598	13.139.409.301.328
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	3.740.092.742.389	4.254.164.821.189
▪ Doanh thu bán thành phẩm	1.775.111.299.356	1.829.936.652.837
▪ Doanh thu khác	54.572.288.684	45.088.090.746
	18.121.522.077.027	19.268.598.866.100
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	145.687.649	-
Doanh thu thuần	18.121.376.389.378	19.268.598.866.100

33. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	10.480.921.864.948	11.019.270.553.290
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	3.738.240.370.722	4.252.543.573.887
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.145.634.122.905	1.174.834.992.654
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	2.051.665.766	238.394.601
Giá vốn khác	17.327.284.031	15.426.072.962
	15.384.175.308.372	16.462.313.587.394

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	1.136.285.011.782	1.234.243.816.029
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay	461.925.612.101	508.697.445.807
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.518.229.807	4.660.691.883
	1.600.728.853.690	1.747.601.953.719

35. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	212.606.458.503	4.222.366.793
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.753.850.960	6.917.968.658
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	45.366.107	649.666.852
	215.405.675.570	11.790.002.303

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.521.712.810.268	1.496.985.602.947
Chi phí nhân viên	31.350.465.474	16.653.079.397
Chi phí bán hàng khác	9.287.617.509	10.670.127.131
	1.562.350.893.251	1.524.308.809.475

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	122.321.032.588	104.988.612.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.600.218.822	52.461.950.360
Chi phí thuê	43.020.393.526	26.947.505.775
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.447.445.415	7.390.999.332
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.052.996.680	20.783.968.273
	258.442.087.031	212.573.036.197

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.716.764.466.451	1.658.222.009.813
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	967.012.911.982	1.008.033.087.268
Chi phí nhân công và nhân viên	196.346.300.318	174.218.801.805
Chi phí khấu hao và phân bổ	59.879.502.612	56.459.317.005
Chi phí khác	26.470.776.608	23.126.025.197

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	205.852.210.888	270.002.642.182
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	393.986.965
	205.852.210.888	270.396.629.147
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	41.727.841.478	50.097.422.248
	247.580.052.366	320.494.051.395

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.301.334.640.343	2.804.426.004.354
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	460.266.928.069	560.885.200.871
Thu nhập được miễn thuế	(227.257.002.356)	(246.848.763.206)
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.193.834.653	10.823.860.364
Thay đổi trong thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	376.292.000	(4.760.233.599)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	393.986.965
	247.580.052.366	320.494.051.395

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Các công ty mẹ cấp trung gian		
Thai Beverage Public Company Limited		
Chi hộ cho Tổng Công ty	-	254.032.454
BeerCo Limited		
Chi hộ cho Tổng Công ty	12.323.089.956	9.605.478.447
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Cổ tức công bố	2.061.855.522.000	1.374.570.348.000
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán hàng hóa và thành phẩm		
(không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	14.238.253.343.052	14.858.358.061.785
Doanh thu khác	20.877.329.502	15.096.959.118
Mua hàng hóa	7.590.189.960	10.744.089.240
Mua dịch vụ	8.992.227.600	9.647.112.600
Chi phí sử dụng vỏ chai	13.755.034.918	15.106.868.319
Chi phí vận chuyển	647.062.748	753.904.677
Chi phí thuê pallet	220.600.734	758.251.840
Lợi nhuận được chia	462.178.836.817	463.173.929.251
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	572.707.381.145	345.945.339.203
Mua hàng hóa	1.458.998.012.900	882.519.176.730
Thu nhập từ cổ tức	-	7.186.150.000
Giao dịch khác	515.502.667	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán nguyên vật liệu	564.073.621.036	720.853.048.681
Mua hàng hóa	1.522.999.268.500	1.843.307.385.150
Mua nguyên vật liệu	745.961.610	27.758.347
Thu nhập từ cổ tức	29.950.000.000	44.925.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	303.532.442.488	299.152.210.404
Mua hàng hóa	830.799.460.600	773.536.972.800
Giao dịch khác	76.041.160	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán nguyên vật liệu	270.422.348.428	331.916.570.552
Mua hàng hóa	817.440.384.370	829.138.668.130
Thu nhập từ cổ tức	21.665.000.000	21.665.000.000
Giao dịch khác	102.447.670	-
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận		
Bán nguyên vật liệu	264.553.018.799	106.338.605.762
Mua hàng hóa	675.316.914.500	253.535.165.480
Giao dịch khác	88.500.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán nguyên vật liệu	257.625.919.834	453.129.636.282
Mua hàng hóa	764.514.778.680	1.110.340.456.480
Thu nhập từ cổ tức	10.582.500.000	15.873.750.000
Giao dịch khác	175.119.478	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	234.741.168.161	287.660.285.767
Doanh thu khác	777.057.894	777.057.894
Mua hàng hóa	651.200.846.600	700.816.397.470
Lợi nhuận được chia	16.310.280.499	23.832.023.776
Giao dịch khác	126.669.790	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý		
Bán nguyên vật liệu	205.340.032.506	112.942.774.894
Mua hàng hóa	615.913.002.200	341.668.658.460
Giao dịch khác	147.500.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán nguyên vật liệu	144.234.741.916	205.393.485.638
Mua hàng hóa	475.983.784.250	597.606.270.360
Thu nhập từ cổ tức	9.380.000.000	9.380.000.000
Giao dịch khác	305.578.065	15.442.500

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán nguyên vật liệu	85.112.852.516	99.626.740.217
Doanh thu khác	188.752.800	188.752.800
Mua hàng hóa	238.725.474.780	261.612.929.560
Thu nhập từ cổ tức	768.525.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	62.674.016.283	73.964.436.060
Mua hàng hóa	208.429.877.290	225.107.725.310
Mua nguyên vật liệu	12.843.870	673.997.154
Thu nhập từ cổ tức	4.022.900.000	2.873.500.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán nguyên vật liệu	25.836.886.188	40.117.270.099
Mua hàng hóa	162.371.508.020	182.159.565.010
Thu nhập từ cổ tức	37.551.150.000	30.689.250.000
Công ty TNHH Một Thành viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Bán nguyên vật liệu	-	14.304.900
Doanh thu khác	2.059.841.495	-
Mua hàng hóa	4.343.740	1.100.970.840
Hỗ trợ chi phí bán hàng	194.625.710.541	147.294.029.343
Chi phí vật phẩm quảng cáo	127.159.200	613.796.400
Lợi nhuận được chia	89.848.317.458	27.773.458.620
Giao dịch khác	23.840.080	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Bán nguyên vật liệu	-	14.572.500
Doanh thu khác	1.639.288.464	1.634.518.464
Mua hàng hóa	689.151.060	867.262.520
Hỗ trợ chi phí bán hàng	86.920.998.394	80.527.839.786
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.573.468.936	855.287.100
Thu nhập từ cổ tức	91.085.232.174	64.149.165.046
Giao dịch khác	443.842.770	61.268.270
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Doanh thu khác	1.527.051.462	1.527.051.462
Hỗ trợ chi phí bán hàng	82.767.109.751	102.058.840.452
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.340.531.416	1.885.919.760
Giao dịch khác	1.360.612.624	3.113.895.840

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Doanh thu khác	1.422.115.800	1.422.115.800
Mua hàng hóa	2.516.440	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	66.844.313.125	70.565.723.559
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.125.953.730	1.656.548.280
Giao dịch khác	122.874.900	1.236.188.328
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Doanh thu khác	1.399.474.842	1.399.474.842
Mua hàng hóa	419.554.480	16.302.180
Hỗ trợ chi phí bán hàng	118.347.061.186	104.878.666.570
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.433.107.728	2.080.333.260
Giao dịch khác	1.575.470.390	811.764.520
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Doanh thu khác	1.336.694.946	1.336.694.946
Hỗ trợ chi phí bán hàng	89.800.305.638	68.243.595.976
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.183.273.780	1.826.629.920
Giao dịch khác	331.949.490	1.379.826.395
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Doanh thu khác	1.277.385.312	1.277.385.312
Hỗ trợ chi phí bán hàng	38.973.920.611	42.667.786.526
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.237.897.026	909.580.320
Thu nhập từ cổ tức	11.991.079.012	9.921.246.172
Giao dịch khác	105.348.948	70.985.185
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Doanh thu khác	1.163.193.012	1.163.193.012
Mua hàng hóa	2.516.440	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	42.342.051.697	37.933.575.261
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.508.936.812	1.157.417.100
Giao dịch khác	257.685.969	606.452.871
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Doanh thu khác	1.089.435.543	1.133.127.828
Mua hàng hóa	13.594.870	16.818.600
Hỗ trợ chi phí bán hàng	71.503.323.127	71.154.285.854
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.438.956.026	2.185.198.560
Thu nhập từ cổ tức	60.566.763.100	-
Các giao dịch khác	185.149.615	1.339.014.202

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Doanh thu khác	1.044.802.938	1.044.802.938
Mua hàng hóa	5.825.640	3.470.000
Hỗ trợ chi phí bán hàng	63.709.478.840	66.047.139.085
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.775.865.896	1.690.437.276
Thu nhập từ cổ tức	51.936.895.104	43.897.077.497
Giao dịch khác	1.249.598.976	2.041.776.306
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Doanh thu khác	962.623.836	959.663.736
Mua hàng hóa	3.546.774.570	3.062.198.920
Hỗ trợ chi phí bán hàng	174.671.292.806	144.467.262.720
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.306.370.560	588.238.200
Giao dịch khác	876.780.888	381.557.554
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Bán nguyên vật liệu	-	51.888.000
Doanh thu khác	10.000.002	10.000.002
Mua dịch vụ	380.218.894	5.700.000.000
Mua hàng hóa	714.927.313	739.149.869
Thu nhập từ tiền lãi	12.670.770.525	12.055.771.805
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	115.023.812.250	107.461.555.850
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	21.476.361.591	18.561.469.500
Mua công cụ và dụng cụ	6.983.942.635	4.722.781.909
Lợi nhuận được chia	(339.046.442)	2.868.713.475
Giao dịch khác	70.975.047	77.242.176
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	513.360.000	517.120.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây		
Giao dịch khác	59.000.000	-
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	194.091.982.039	208.674.874.122
Mua hàng hóa	463.579.364.100	503.584.829.790
Giao dịch khác	37.225.500	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	132.771.967.195	140.921.400.056
Mua hàng hóa	330.812.697.400	343.901.884.220
Giao dịch khác	48.111.570	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	127.687.973.326	161.786.300.702
Mua hàng hóa	318.731.910.400	450.814.218.720
Thu nhập từ cổ tức	1.500.000.000	1.500.000.000
Giao dịch khác	53.613.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	122.649.766.004	202.055.327.715
Mua hàng hóa	384.351.323.310	506.248.180.920
Thu nhập từ cổ tức	-	14.426.044.500
Giao dịch khác	167.829.960	504.000
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	90.616.371.782	109.909.220.141
Mua hàng hóa	243.720.786.200	286.215.287.690
Giao dịch khác	40.815.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	62.608.340.832	72.995.079.658
Mua hàng hóa	201.986.548.000	181.752.905.770
Thu nhập từ cổ tức	3.378.750.000	3.378.750.000
Giao dịch khác	-	38.118.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	18.629.678.646	28.085.254.621
Mua hàng hóa	103.617.604.770	125.781.676.080
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Bán nguyên vật liệu	-	167.365.085.293
Mua hàng hóa	-	428.122.537.830
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	488.561.588.744	760.715.251.699
Thu nhập từ cổ tức	233.719.329.060	444.730.757.692
Giao dịch khác	267.845.458	1.968.999.082

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	23.199.339.000	28.718.302.240
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh		
Mua dịch vụ	4.283.392.725	2.912.067.004
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	941.334.354.428	771.512.826.457
Giao dịch khác	356.197.321	1.381.525.822
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	237.179.834.864	168.946.355.538
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	1.868.503.432	668.718.937
Sustainability Expo Co., Ltd		
Mua dịch vụ	852.897.000	-
Chang International Co., Ltd		
Chi hộ Tổng Công ty	525.861.722	464.194.858
Thipchalothorn Co., Ltd		
Bán hàng hóa	34.087.500	151.689.376
Chi phí vật phẩm quảng cáo	6.804.000	204.771.024
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD		
Cung cấp dịch vụ	-	7.549.763
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha – Thành viên	448.000.000	364.000.000
Ông Nguyễn Tiến Vy – Thành viên	616.000.000	532.000.000
Ông Michael Chye Hin Fah – Thành viên	598.000.000	560.000.000
Bà Trần Kim Nga – Thành viên	574.000.000	490.000.000
Ông Lê Thanh Tuấn – Thành viên	682.000.000	490.000.000
Bà Ngô Minh Châu – Thành viên	574.000.000	490.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	18.086.871.996	16.340.066.488
Ủy ban Kiểm toán		
Thù lao	546.000.000	570.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	852.511.346	18.255.335.038

42. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc



Lan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc



